BÁO CÁO PHÂN TÍCH KQKD QUÝ I/2013 CỦA VIETINBANK

I. ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu

Mã chứng khoán	**CTG**
Ngày giao dịch	16/7/2009
SLCP lưu hành	3.266 triệu cp
EPS cơ bản	2.610 đồng
P/E	7,35x
BVPS	12.830 đồng
Hệ số Beta	0,97

Cơ cấu cổ đông

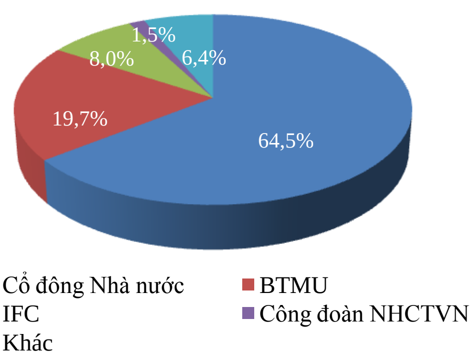

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	Q1/2013
TTS (tỷ đồng)	460.604	503.530	499.847
VCSH (tỷ đồng)	28.491	33.625	34.647
LNST (tỷ đồng)	6.259	6.170	1.042
ROA (%)	1,51	1,28	1,24
ROE (%)	26,83	19,87	17,35
NIM (%)	5,04	4,00	4,03
CAR (%)	10,57	10,33	10,73
NPL (%)	0,75	1,46	1,68
LDR (%)	114,06	115,31	107,21
LAR (%)	63,71	66,20	64,95

- Đến cuối Quý 1/2013, VietinBank tiếp tục là ngân hàng có quy mô tổng tài sản và vốn điều lệ lớn nhất trong khối ngân hàng TMCP.
- Là ngân hàng giữ vai trò trụ cột của hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam với thị phần lớn, đa dạng. Hiện nay, thị phần huy động vốn 10,5%, thị phần tín dụng 12%, thị phần thanh toán thẻ tín dụng quốc tế là 31,2%, thị phần chuyển tiền kiều hối là 15% trong toàn hệ thống.
- Mặc dù lợi nhuận của CTG giảm nhưng ngân hàng vẫn luôn là ngân hàng dẫn đầu hệ thống về lợi nhuận.
- Tỷ lệ nợ xấu của CTG trong Quý 1/2013 tăng so với cuối năm 2012 lên 1,68% do nợ có khả năng mất vốn tăng. Tuy nhiên các khoản nợ xấu đã được trích lập dự phòng đầy đủ cho thấy khả năng phòng thủ trước những rủi ro liên quan đến nợ xấu luôn được đảm bảo.
- Cùng với xu hướng chung của toàn ngành ngân hàng, các chỉ tiêu tài chính của CTG trong Quý 1/2013 giảm nhưng so với các ngân hàng trong cùng hệ thống các chỉ tiêu sinh lời của ngân hàng vẫn đạt hiệu quả cao.
- Với sự tham gia hỗ trợ của cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai - BTMU, VietinBank không chỉ nâng cao năng lực tài chính, củng cố và nâng cao nền tảng vốn tự có, tăng an toàn cho hoạt động mà thông qua hỗ trợ hợp tác kỹ thuật và kinh doanh toàn diện với BTMU sẽ khai thác được nhiều nguồn lực quan trọng để nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm dịch vụ hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực… từ đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập khu vực và quốc tế của VietinBank.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Quy mô, tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản Quý 1/2013 có xu hướng giảm nhưng VCSH vẫn có xu hướng tăng

Tổng tài sản Quý 1/2013 của CTG giảm nhẹ 0,75% so với cuối năm 2012 chủ yếu do chứng khoán kinh doanh của ngân hàng sụt giảm mạnh từ 695 tỷ đồng xuống còn 409 tỷ đồng và hoạt động cho vay trên thị trường 2 giảm hơn 10% khi nguồn vốn của các ngân hàng đang có hiện tượng dư thừa. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2011, tổng tài sản của ngân hàng trong Quý 1/2013 vẫn tăng 22,86%.

Trái ngược với xu hướng biến động của tổng tái sản, vốn chủ sở hữu của VietinBank vẫn có xu hướng tăng qua các quý cho thấy nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng luôn được bổ sung liên tục để dảm bảo cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng đạt hiệu quả cao.

So với các ngân hàng trong cùng hệ thống, CTG hiện đứng thứ 2 về tổng tài sản (sau Agribank) và đứng thứ 3 về vốn chủ sở hữu (sau Agribank và VCB).

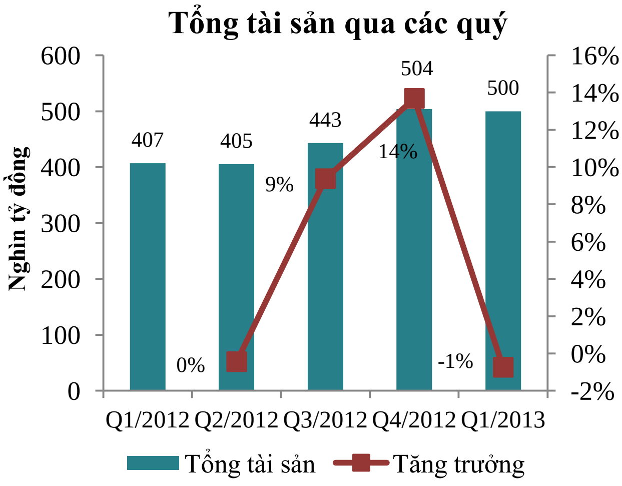

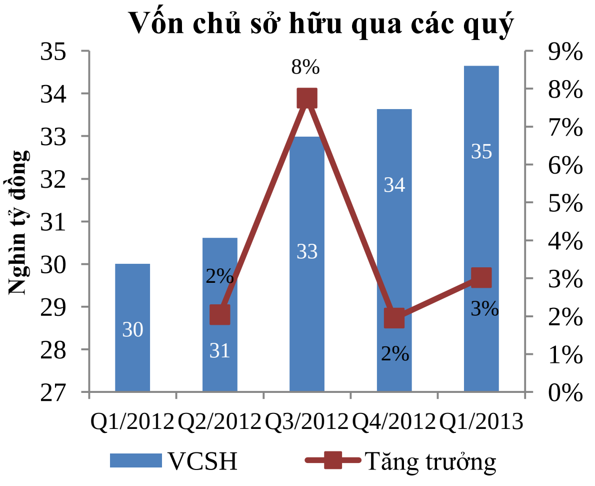

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

So sánh với các ngân hàng đang niêm yết

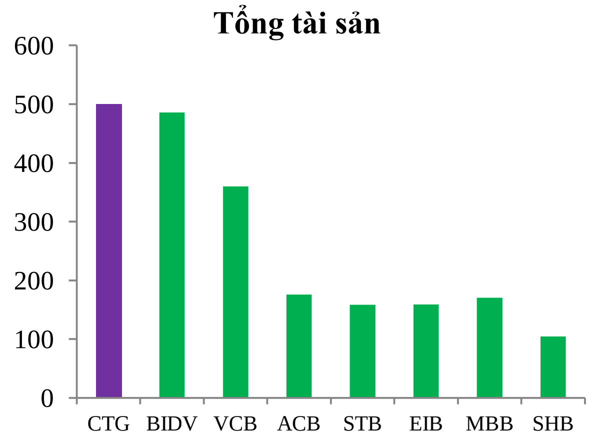

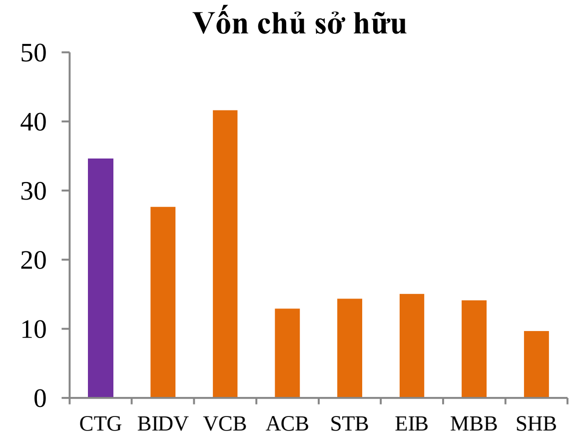

Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động trong Q1/2013 giảm nhưng so với cùng kỳ năm 2012 vẫn tăng

Tổng thu nhập hoạt động của CTG có xu hướng tăng, từ 5.040 tỷ đồng trong Quý 1/2012 lên 5.822 tỷ đồng trong Quý 4/2012, nhưng sang Quý 1/2013 lại giảm xuống còn 5.284 tỷ đồng. Nguyên nhân xuất phát chủ yếu do thu nhập từ hoạt động khác giảm mạnh, từ 491 tỷ đồng trong Quý 4/2012 xuống còn 184 tỷ đồng trong Quý 1/2013. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2012, tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng vẫn tăng 4,84%.

...LNTT giảm cùng xu hướng chung của ngành ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế của VietinBank trong 3 quý gần đây có xu hướng giảm cùng với xu hướng chung của toàn ngành ngân hàng do hệ quả ảnh hưởng từ khó khăn của nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng. Tính đến hết Quý 1/2013, lợi nhuận trước thuế của VietinBank đạt 1.370 tỷ đồng, giảm 32,07% so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu do chi phí dự phòng và chi phá hoạt động tăng khiến cho lợi nhuận của ngân hàng giảm..

So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, tổng thu nhập hoạt động vẫn dẫn đầu các ngân hàng nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ đứng thứ 3 (sau VCB, BIDV).

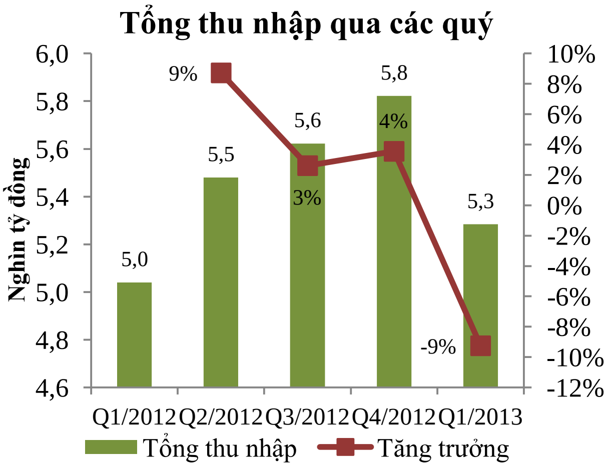

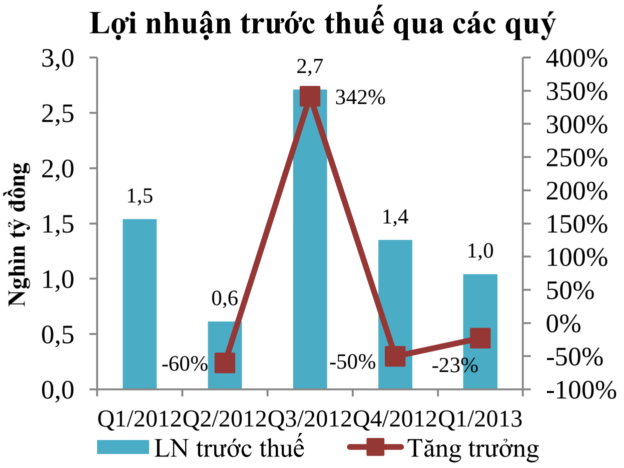

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

So sánh với các ngân hàng đang niêm yết

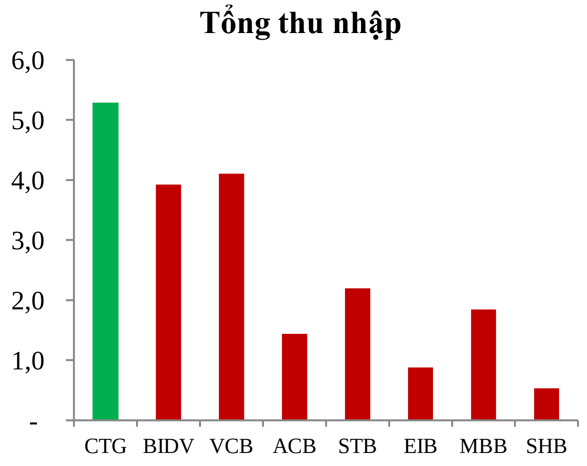

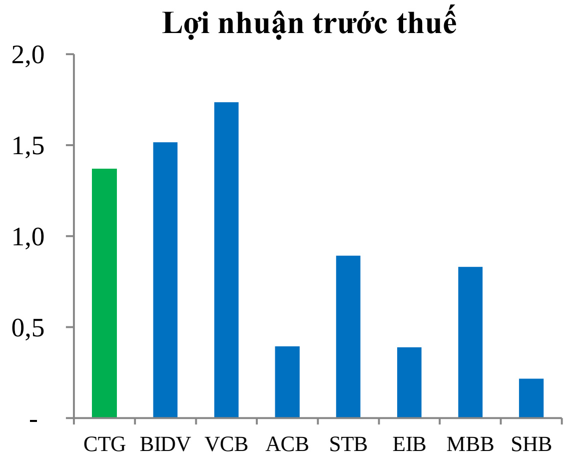

Tăng trưởng cho vay khách hàng, tiền gửi khách hàng

Dư nợ cho vay giảm …nhưng tiền gửi khách hàng lại so với cuối năm 2012

Dư nợ cho vay của CTG trong Quý 1/2013 giảm 2,62% so với cuối năm 2012 nhưng so với cùng kỳ năm 2012 thì vẫn tăng trưởng với mức khá 13,55%. Nguyên nhân tăng trưởng tín dụng của ngân hàng thấp do nhu cầu sử dụng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh chưa được cải thiện bởi lượng tồn kho của doanh nghiệp rất lớn. Vì thế, các doanh nghiệp chủ yếu tập trung bán tháo hàng tồn. Mặt khác, nhu cầu tiêu dùng giảm rất mạnh, người dân tăng cường thắt chặt chi tiêu. Cùng với đó, tình trạng nợ xấu chưa được cải thiện, chính sách giải cứu hàng tồn kho chưa được triển khai mạnh nên chưa tác động đến thị trường và doanh nghiệp.

Trái ngược với dư nợ cho vay, sơ dư tiền gửi khách hàng vẫn tăng so với cuối năm 2012 và cùng kỳ năm 2012. Tính đến hết Quý 1/2013, tổng số dư tiền gửi khách hàng đạt 302.797 tỷ đồng, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2012 và tăng 5,04% so với cuối năm 2012. Điều này hoàn toàn hợp lý do hiện nay các kênh đầu tư khác đều rất rủi ro trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn khó khăn, vì vậy nhà đầu tư có xu hướng gửi tiền tiết kiệm để đảm bảo an toàn.

So với hệ thống ngân hàng, thị phần huy động của CTG chiếm 10,5% và thị phần cho vay chiếm 12% so với toàn ngành.

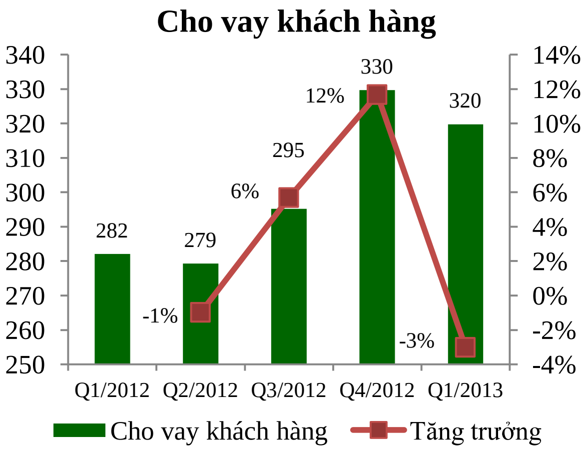

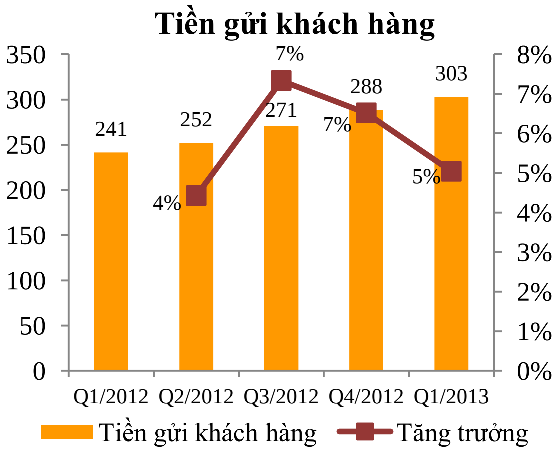

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

2. Cơ cấu tài sản, chất lượng đầu tư

Cho vay khách hàng

LAR có xu hướng giảm dần trong những quý gần đây

Tỷ lệ cho vay/Tổng tài sản (LAR) có xu hướng giảm dần trong những quý gần đây xuất phát từ nguyên nhân tốc độ tăng trưởng cho vay khách hàng bị giảm xuống trong những quý gần đây do các ngân hàng thắt chặt cho vay để kiểm soát nợ xấu trong khi tổng tài sản vẫn tăng trưởng khiến cho tỷ lệ cho vay/tổng tài sản có xu hướng giảm.

So với mặt bằng chung của các ngân hàng đang niêm yết (57,46%) thì tỷ lệ này của CTG vẫn ở mức khá cao, đứng thứ 2 (sau BIDV). Tuy nhiên, tỷ lệ này đang có xu hướng giảm dần cho thấy chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay của ngân hàng đã phát huy hiệu quả trong điều kiện nền klnh tế vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn.

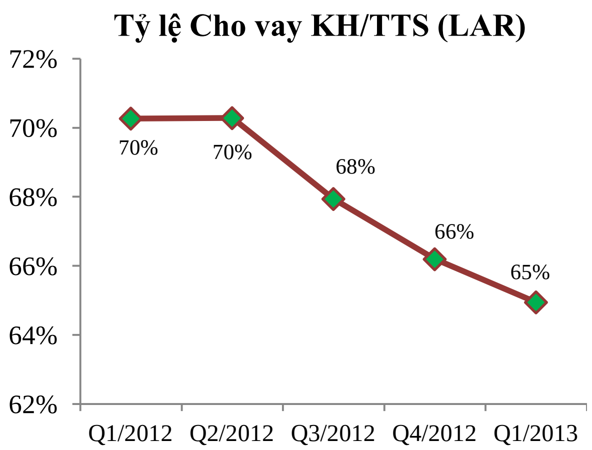

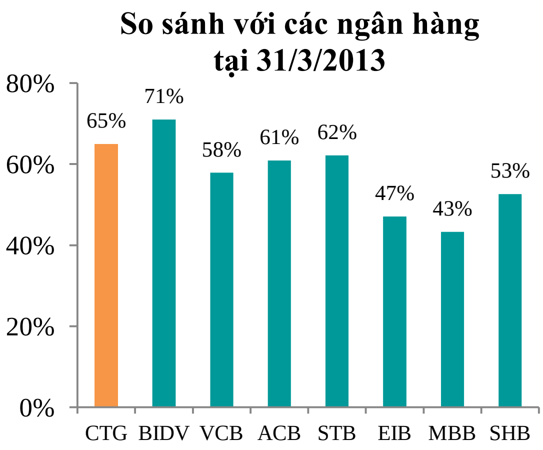

Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Danh mục đầu tư

Danh mục chứng khoán đầu tư an toàn, có độ rủi ro thấp

Danh mục đầu tư chứng khoán của VietinBank trong Quý 1/2013 tăng 14,26% so với cuối năm 2012, đạt 83.996 tỷ đồng. Cơ cấu danh mục đầu tư chứng khoán cũng đã có sự thay đổi: tỷ trọng trái phiếu Chính phủ có xu hướng tăng trong khi tỷ trọng trái phiếu tổ chức kinh tế trong nước có xu hướng giảm. Điều này cho thấy sự thận trọng, an toàn của ngân hàng trong điều kiện các doanh nghiệp trong nước vẫn còn gặp khó khăn, lãi suất tiếp tục có xu hướng giảm. Với lượng trái phiếu Chính phủ lớn như vậy cho thấy độ rủi ro trong danh mục đầu tư của ngân hàng rất thấp và khả năng thanh khoản của ngân hàng luôn được đảm bảo.

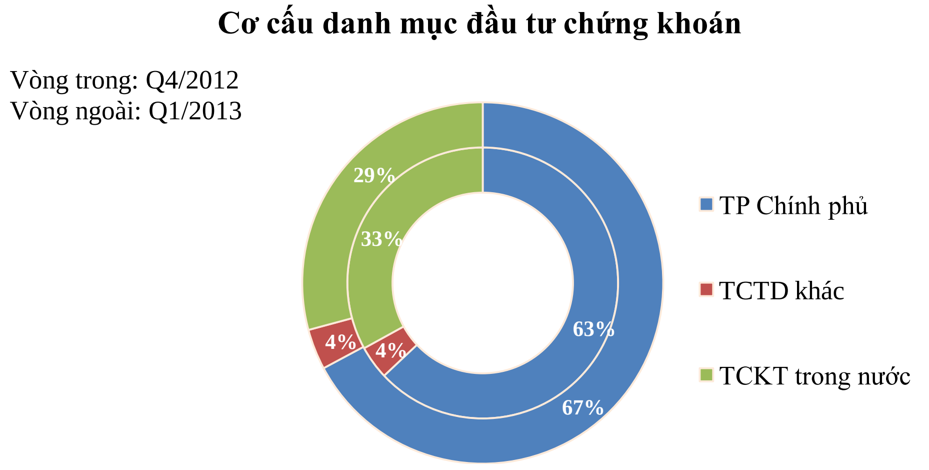

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Tài sản Có khác

Tài sản có khác có xu hướng tăng

Tài sản Có khác của CTG trong Quý 1/2013 có xu hướng tăng so với cuối năm 2012 và đạt mức cao nhất trong 4 quý gần đây 21.141 tỷ đồng. Trong đó các khoản phải thu tăng 7,42%; Các khoản lãi, phí phải thu tăng 3,61%; Tài sản có khác tăng 24,56%. Hiện nay, tỷ lệ Tài sản Có khác/Tổng tài sản của VietinBank chiếm 4,23%, thấp hơn mức trung bình của các ngân hàng niêm yết (5,43%).

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Q1/2012	Q2/2012	Q3/2012	Q4/2012	Q1/2013
Các khoản phải thu	6.872	8.185	10.554	9.636	10.157
Các khoản lãi, phí phải thu	6.892	6.406	7.362	7.904	8.321
Tài sản có khác	2.563	2.071	2.172	2.125	2.673
DPRR cho các TS có nội bảng khác	(177)	(534)	(7)	(10)	(10)
Tổng	**16.149**	**16.128**	**20.081**	**19.656**	**21.141**

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

3. Chất lượng tín dụng

Nợ xấu tăng nhưng vẫn ở mức thấp so với các ngân hàng trong cùng hệ thống

Tỷ lệ nợ xấu Quý 1/2013 của CTG tăng so với cuối năm 2012 nhưng so với cùng kỳ năm 2012 vẫn thấp hơn, đạt 1,68%. Trong đó nợ có khã năng mất vốn tăng 43,11%, trong khi nợ nghi ngờ và nợ dưới tiêu chuẩn lại giảm lần lượt là 3,56% và 29,33% so với cuối năm 2012. Điều này chứng tỏ có sự chuyển nhóm nợ sang nhóm nợ xấu hơn. Vì vậy, ngân hàng cần phải có những chính sách hợp lý để thu hồi nợ xấu, đảm bảo hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Tuy nhiên, so với các ngân hàng đang niêm yết và BIDV, tỷ lệ nợ xấu của CTG vẫn ở mức thấp, chỉ cao hơn EIB (1,33%). Đặc biệt so với NH TMCP Nhà nước, nợ xấu của CTG thấp hơn rất nhiều (BIDV 2,76% và VCB 2,87%).

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (Coverage ratio) của CTG trong Quý 1/2013 tăng đột biến so với các quý trước do trong quý này ngân hàng đã tăng trích trích lập dự phòng dự rủi ro từ 3.673 tỷ đồng cuối năm 2012 lên 4.480 tỷ đồng Quý 1/2013. Điều này thể hiện quan điểm thận trọng của ngân hàng cũng như khả năng phòng thủ trước những rủi ro liên quan đến nợ xấu.

Tỷ lệ NPL, Coverage ratio

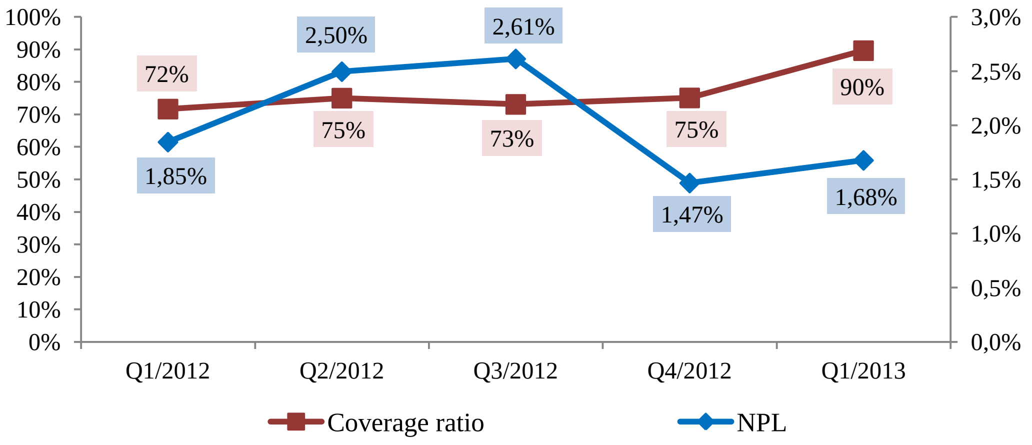

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Chất lượng tín dụng của các ngân hàng niêm yết

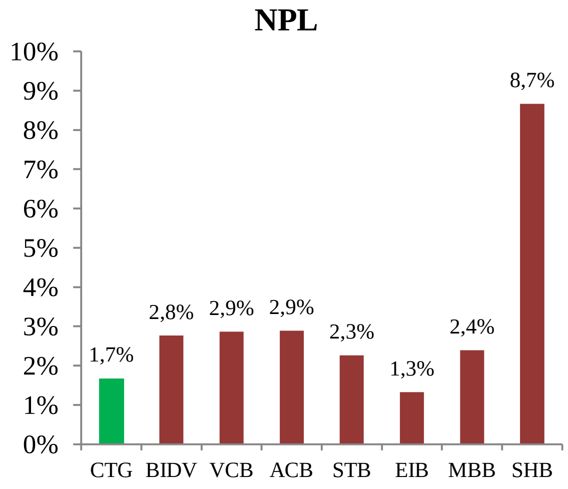

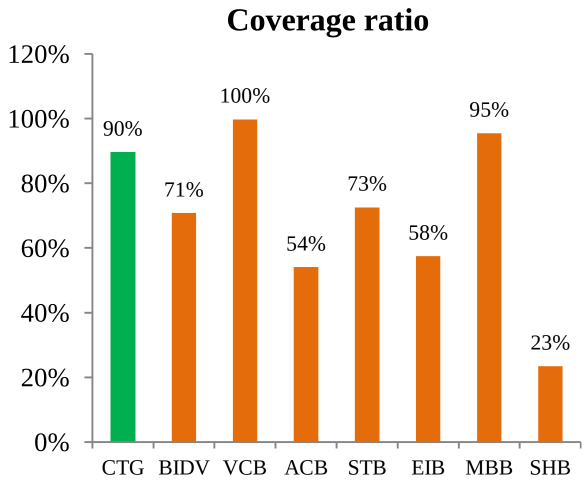

Cơ cấu dư nợ cho vay

Cho vay ngắn hạn chủ yếu tập trung ngắn hạn. Cơ cấu cho vay dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng SOE giảm tỷ trọng SME.

Cơ cấu dự nợ cho vay theo kỳ hạn của CTG trong Quý 1/2013 thay đổi không đáng kể so với các quý gần đây, chủ yếu tập trung vào cho vay ngắn hạn, chiếm khoảng 60% dư nợ cho vay.

Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng của CTG trong Quý 1/2013 dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng cho vay doanh nghiệp Nhà nước, giảm tỷ trọng cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trong khi tỷ trọng cho vay doanh nghiệp FDI và cá nhân/hộ gia đình không biến động. Doanh nghiệp Nhà nước là nhóm khách hàng thường có độ rủi ro tín dụng cao, vòng đời dự án dài và khả năng thu hồi vốn chậm. Tuy nhiên, với sự tham gia của cổ đông chiến lược nước ngoài BTMU, VietinBank sẽ phát triển mạnh hơn nữa mảng ngân hàng bán lẻ với sự hỗ trợ của BTMU để vươn lên trở thành một tập đoàn tài chính - ngân hàng đa năng đứng đầu Việt Nam và hội nhập với khu vực, quốc tế.

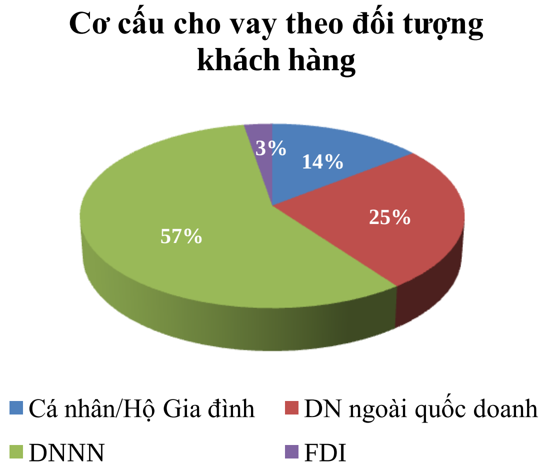

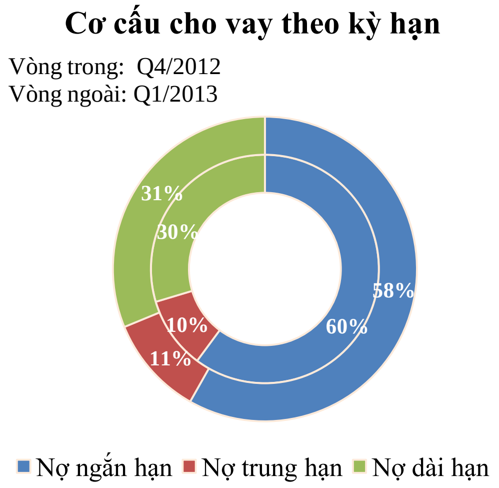

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Cơ cấu dư nợ theo ngành biến động ít

Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành nghề của CTG không có sự thay đổi nhiều qua các quý gần đây, chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 31%); xây dựng, bất động sản (chiếm 14%) và khai khoáng (chiếm 8%).

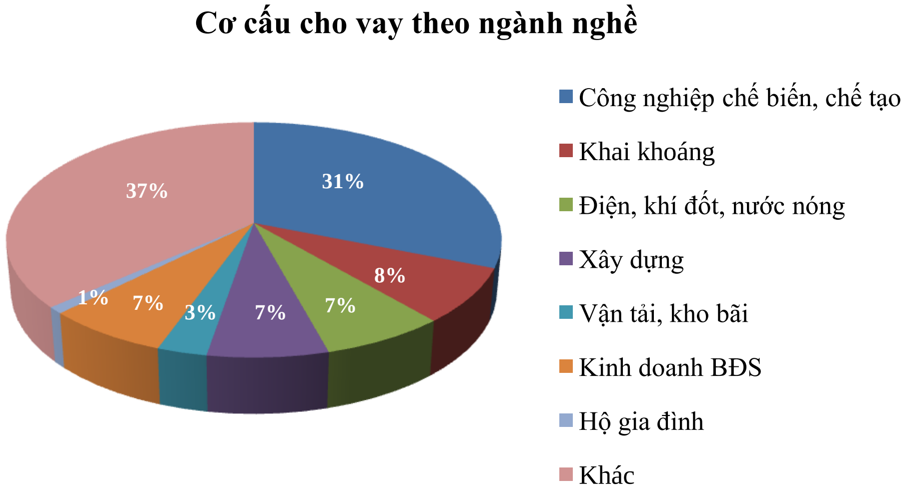

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

4. Tính thanh khoản

LDR có xu hướng giảm

Tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) có xu hướng giảm trong những quý gần đây, từ 118,39% tại Quý 1/2012 xuống còn 107,21% tại Quý 1/2013. Nguyên nhân do tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay của CTG có xu hướng giảm, thạm chí có quý tăng trưởng âm do thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng nhằm kiểm soát nợ xấu những tháng cuối năm 2012 do tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp cũng như nền kinh tế; trong khi tốc độ tăng trưởng huy động của ngân hàng vẫn tăng đã khiến cho tỷ lệ cho vay/tiền gửi bị giảm. So với các ngân hàng niêm yết, tỷ lệ LDR của VietinBank vẫn ở mức cao, chỉ thấp hơn BIDV.

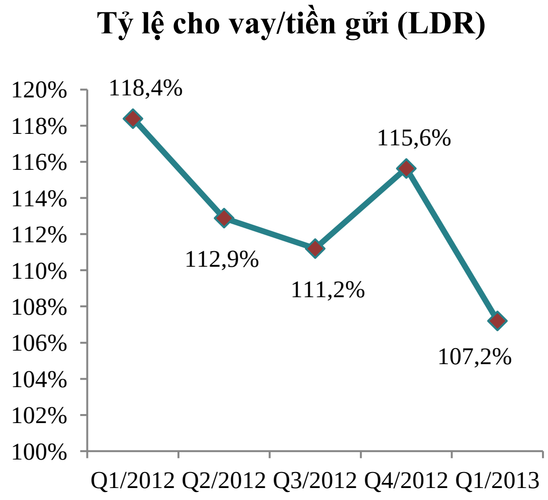

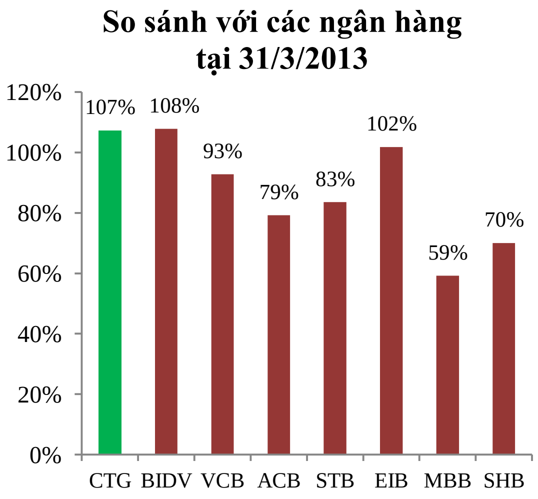

Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Hệ số an toàn vốn

CAR đạt mức cao nhất từ năm 2009 đến nay

Hệ số an toàn vốn CAR theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong quý 1/2013 đạt 10,73% - mức cao nhất từ năm 2009 đến nay. Đặc biệt, sau khi phát hành thành công cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho BTMU ngày 10/5/2013, hệ số an toàn vốn của ngân hàng còn cao hơn nữa, khẳng định vị thế là ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Chênh lệch thanh khoản ròng dưới 3 tháng đều âm

Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn của CTG chủ yếu tập trong vào các kỳ hạn dưới 1 năm, trong đó kỳ hạn dưới 1 tháng chiếm 28%, từ 1 đến 3 tháng chiếm 25%, từ 3 đến 12 tháng chiếm 37%. Xét trong mối tương quan với cơ cấu cho vay, với cơ cấu huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng chiếm 90%) trong khi cho vay trung và dài hạn chiếm đến hơn 40% cho thấy ngân hàng vẫn có thể gặp rủi ro kỳ hạn nếu dựa vào thời lượng (duration). Tuy nhiên, với lượng trái phiếu Chính phủ lớn ngân hàng vẫn đảm bảo thanh khoản tốt thông qua hoạt động thi trường mở.

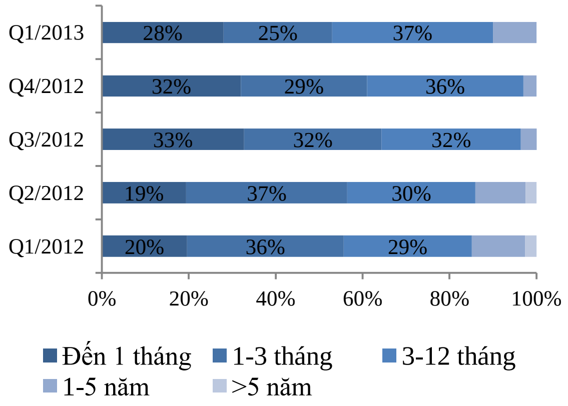

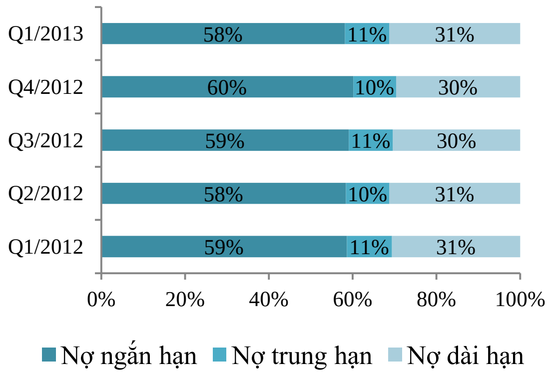

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

5. Khả năng sinh lời

ROE, ROA xu hướng giảm do ảnh hưởng từ nền kinh tế

ROA, ROE của CTG trong 3 quý gần đây có xu hướng giảm. Tính đến hết Quý 1/2013, ROE đạt 1,24% và ROE đạt 17,35%. Đây là hệ quả ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng khiến cho lợi nhuận sau thuế của ngân hàng tăng trưởng âm.

NIM giảm theo xu hướng chung của ngành ngân hàng

Theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng, NIM của CTG tiếp tục có xu hướng giảm, xuống còn 4,03% tại Quý 1/2013 do Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn khiến cho thu nhập lãi thuần của các ngân hàng bị ảnh hưởng.

ROAA: 2/8
ROAE: 1/8
ROEA: 2/8
NIM: 3/8

Với ROAE đạt 19,54%, hiệu quả sinh lời trên VCSH của CTG đứng đầu các ngân hàng niêm yết. Tỷ lệ ROAA và ROEA cũng đạt mức cao, đứng thứ 2 sau MBB. Bên cạnh đó, tỷ lệ lãi ròng cận biên của CTG trong Quý 4/2012 đứng thứ 3/8 ngân hàng so sánh.

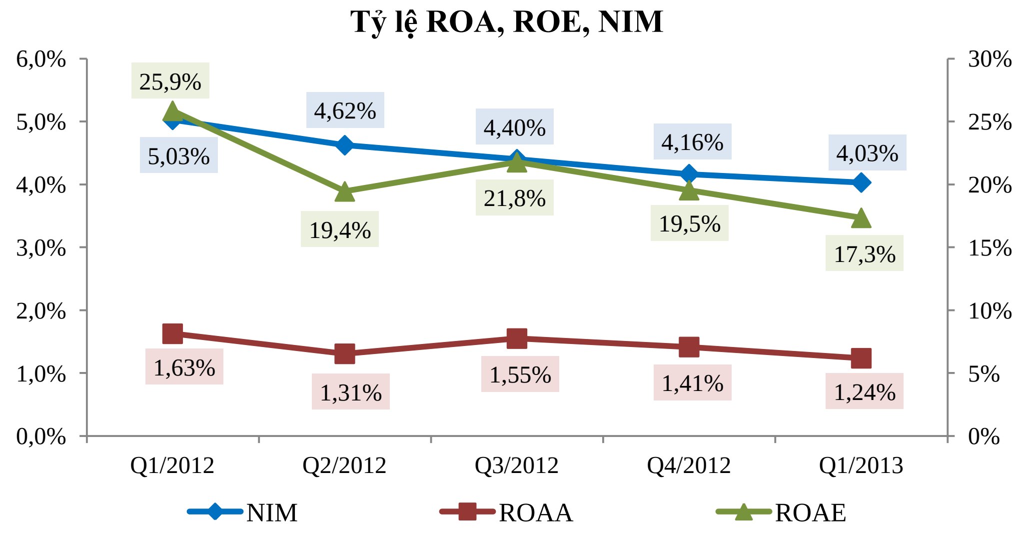

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Khả năng sinh lời của các ngân hàng niêm yết

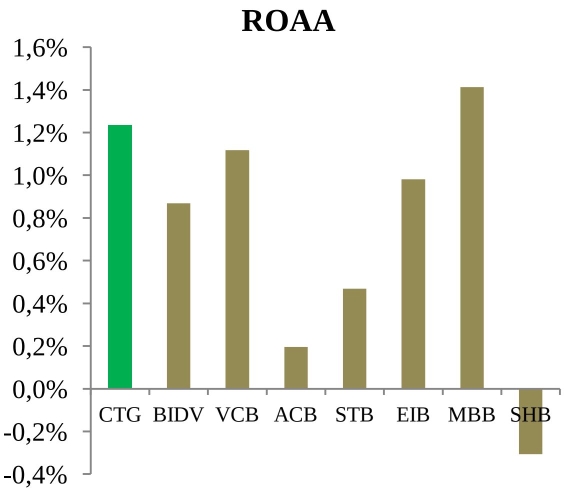

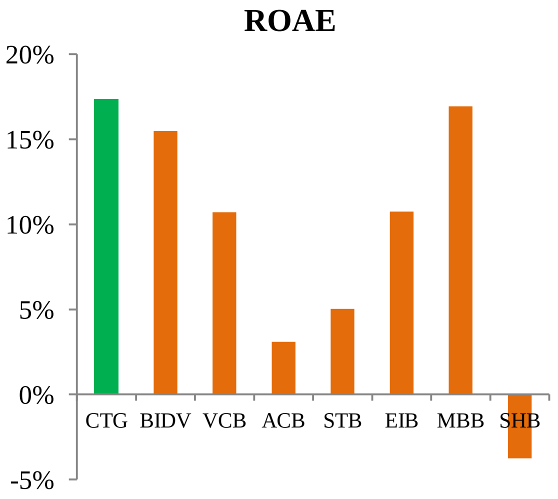

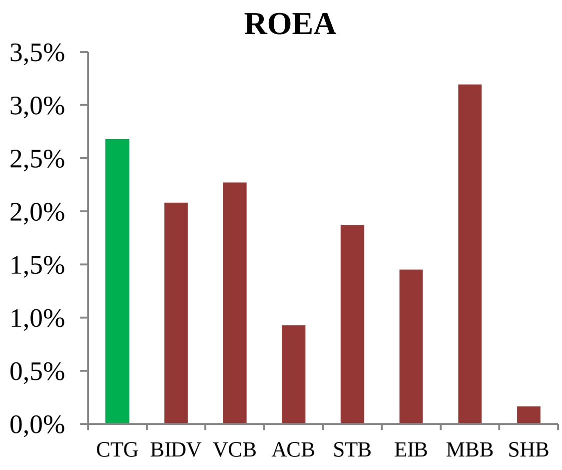

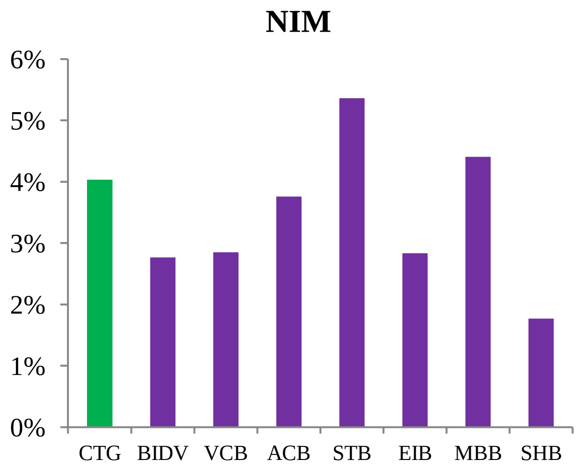

Trong Q1/2013, các mảng hoạt động kinh doanh của ngân hàng đều lãi, trừ hoạt động kinh doanh chưng khoán đầu tư lỗ

Hai khoản thu nhập chính của CTG trong Quý 1/2013 vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2012: thu nhập lãi thuần đạt 4.646 tỷ đồng, tăng 6,58% và thu nhập dịch vụ đạt 304 tỷ đồng, tăng 1,67%. Trong khi đó các khoản thu nhập đến từ các hoạt động còn lại đều bị giảm, thậm chí lỗ: thu nhập từ kinh doanh ngoại hối giảm 15,18%; thu nhập từ chứng khoán kính doanh giảm 56,29%; thu nhập từ chứng khoán đầu tư chuyển từ lãi sang lỗ 3,7 tỷ đồng trong Quý 1/2013; thu nhập từ hoạt động khác giảm 4,43%, thu nhập từ góp vốn mua cổ phần giảm 11,89%.

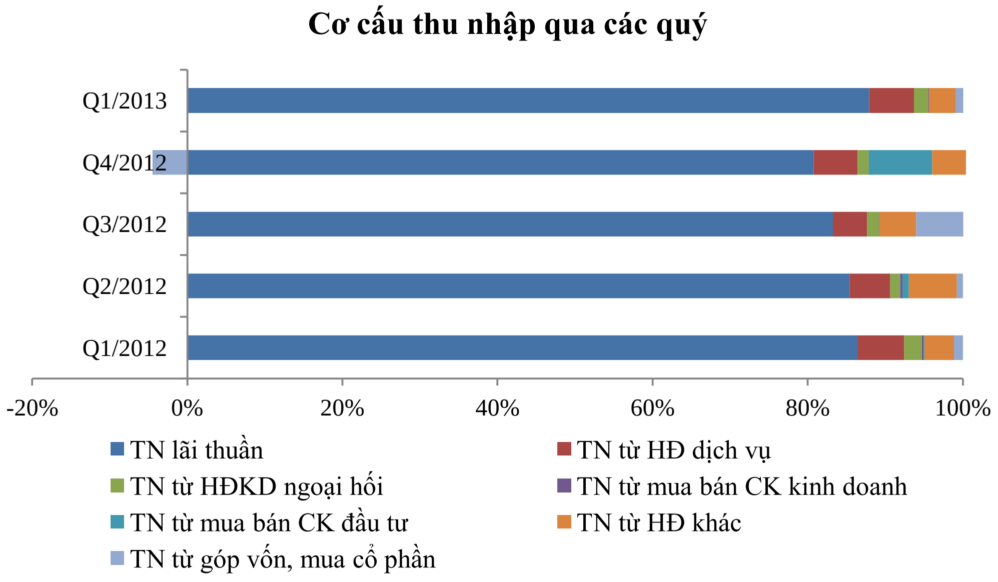

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

6. Hiệu quả hoạt động

CIR có xu hướng tăng nhưng Overhead Ratio có xu hướng giảm

Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) của CTG trong Quý 1/2013 tăng so với cuối năm 2012 và cùng kỳ năm 2012 do tốc độ tăng chi phí hoạt động cao hơn nhiều so với tốc độ tăng tổng thu nhập hoạt động (thậm chí còn tăng truởng âm so với cuối năm 2012). Chi phí hoạt động tăng chủ yếu cho chi phí tài sản và chi phí quản lý công vụ tăng, lần lượt là 10,2% và 87,1% so với cùng lỳ năm 2012.

Trái ngược với tỷ lệ chi phí/thu nhập, tỷ lệ Chi phí chung (Overhead Ratio) của CTG trong Quý 1/2013 lại giảm, từ 2,27% trong Quý 1/2012 xuống 2,12% trong Quý 1/2013 do so với cùng kỳ năm 2012, chi phí hoạt động tăng 17,86% thấp hơn tốc độ tăng của tổng tài sản 22,86%.

Lợi nhuận do một nhân viên tạo ra trong Quý 1/2013 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2012, từ 108 triệu đồng xuống còn 70 triệu đồng do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng đã khiến cho thu nhập bị sụt giảm trong khi số lượng nhân viên vẫn có xu hướng tăng.

So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của CTG trong Quý 01/2013 ở mức khá.

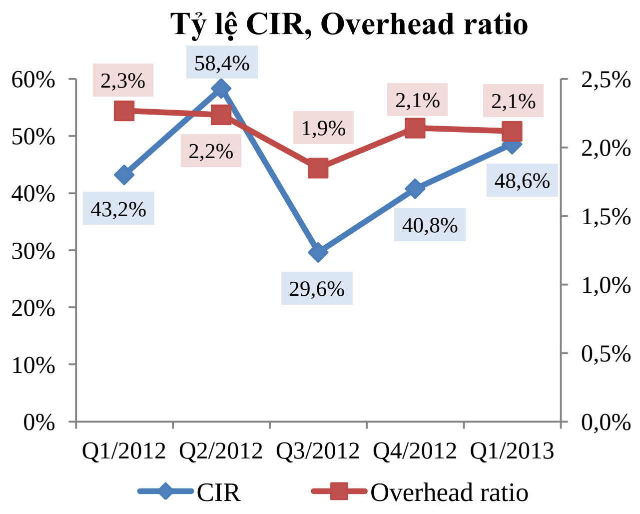

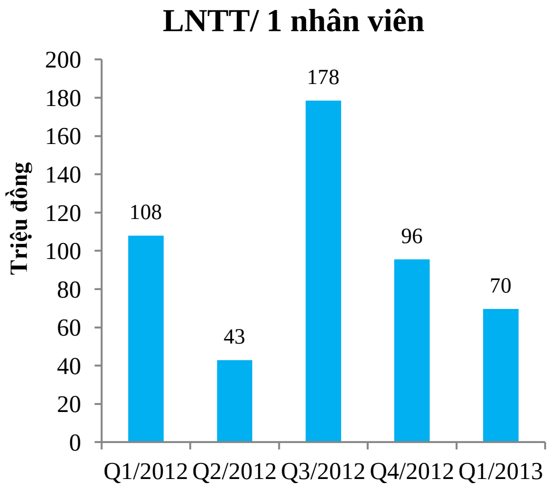

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Hiệu quả hoạt động của các ngân hàng niêm yết

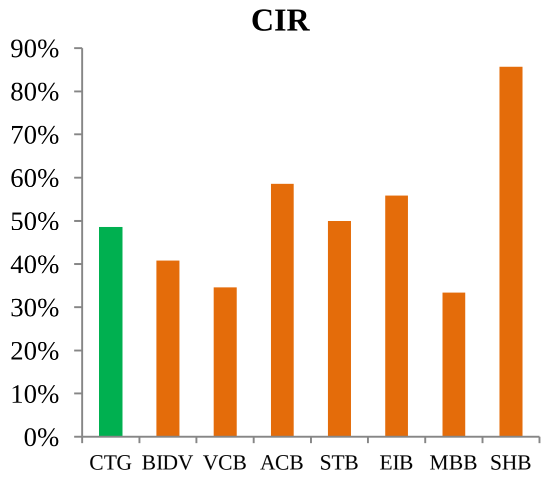

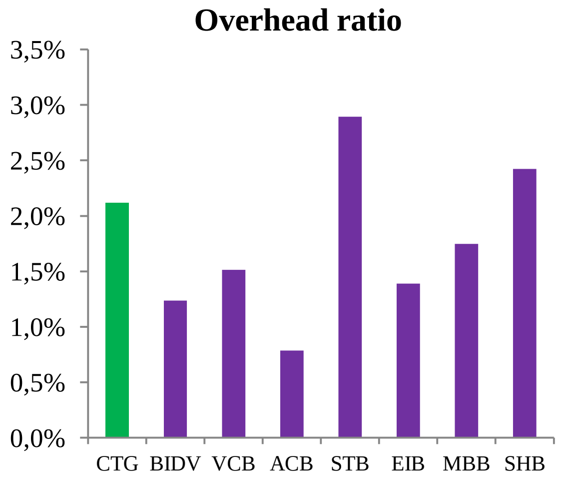

KẾT LUẬN CHUNG

- Do chịu ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng tổng tài sản, dự nợ cho vay và lợi nhuận của ngân hàng đều bị giảm sút. Tuy nhiên, so với các ngân hàng trong cùng hệ thống, lợi nhuận của VietinBank vẫn đang dẫn đầu và ngân hàng vẫn khẳng định được vị thế là ngân hàng giữ vai trò chủ lực trong hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam.
- Nợ xấu Quý 1/2013 của CTG tăng so với cuối năm 2012, từ 4.890 tỷ đồng lên 5.442 tỷ đồng chủ yếu do nợ có khả năng mất vốn tăng 43,11%, trong khi các nhóm nợ xấu khác đều giảm. Tuy nhiên, các khoản nợ xấu này đều đã được trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ nên khả năng phòng thủ trước những rủi ro liên quan đến nợ xấu của ngân hàng vẫn luôn luôn được đảm bảo.
- Đặc biệt, với sự tham gia của cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai – BTMU, VietinBank không chỉ nâng cao năng lực tài chính, củng cố và nâng cao nền tảng vốn tự có, tăng an toàn cho hoạt động mà thông qua hỗ trợ hợp tác kỹ thuật và kinh doanh toàn diện với BTMU sẽ khai thác được nhiều nguồn lực quan trọng để nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm dịch vụ hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực…từ đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập khu vực và quốc tế của VietinBank.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I/2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM *(kiểm toán 2012)*
A	**TÀI SẢN**		
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**3.306**	**2.511**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**11.643**	**12.234**
III	**Tiền vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác**	**51.875**	**57.708**
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**409**	**275**
V	**CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**-**	**74**
VI	**Cho vay khách hàng**	**319.746**	**329.683**
1	Cho vay khách hàng	324.626	333.356
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(4.880)	(3.673)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**83.587**	**73.417**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	81.255	71.082
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.450	2.450
3	DP giảm giá chứng khoán đầu tư	(118)	(114)
VIII	**Góp vốn. đầu tư dài hạn**	**2.942**	**2.816**
IX	**Tài sản cố định**	**5.199**	**5.277**
X	**Bất động sản đầu tư**	**-**	**-**
XI	**Tài sản có khác**	**21.141**	**19.535**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN CÓ	**499.847**	**503.530**
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**260**	**2.785**
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**	**87.413**	**96.815**
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**302.797**	**289.105**
IV	**Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**91**	**-**
V	**Vốn tài trợ,ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	**35.220**	**33.227**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**18.465**	**28.669**
VII	**Các khoản nợ khác**	**20.736**	**19.088**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**464.981**	**469.690**
VIII	**Vốn và các quỹ**	**34.647**	**33.625**
1	Vốn của TCTD	26.220	26.220
	- Vốn điều lệ	26.218	26.218
	- Thặng dư vốn cổ phần	2	2
2	Quỹ của TCTD	2.436	2.434
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi BCTC	302	302
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ luỹ kế	5.689	4.669
IX	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**2169**	**216**
	TỔNG NGUỒN VỐN	**499.847**	**503.530**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I/2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý I/2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối QI/2013
1	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	11.671	11.671
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	7.025	7.025
I	**Thu nhập lãi thuần**	**4.646**	**4.646**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	434	434
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	130	130
II	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động D/vụ**	**304**	**304**
III	**Lãi /lỗ thuần từ hoạt động KD ngoại hối**	**98**	**98**
IV	**Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**5**	**5**
V	**Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**(4)**	**(4)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	267	267
6	Chi phí hoạt động khác	83	83
VI	**Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác**	**184**	**184**
VII	**Thu nhập từ góp vốn. mua cổ phần**	**50**	**50**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**2.567**	**2.567**
IX	**Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng**	**2.716**	**2.716**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**1.346**	**1.346**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**1.370**	**1.370**
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**327**	**327**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**	**1.042**	**1.042**
XIV	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**3**	**3**
XV	**Lợi nhuận thuần sau thuế của Chủ sở hữu**	**1.039**	**1.039**

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CTG

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	QI/2013
ROA	1,31%	1,12%	1,51%	1,28%	1,24%
ROE	23,07%	22,21%	26,83%	19,87%	17,35%
NIM	3,77%	4,12%	5,04%	4,00%	4,03%
TN lãi thuần/Tổng thu nhập	81,94%	81,58%	89,60%	83,87%	87,93%
LDR	109,86%	113,74%	114,06%	115,31%	107,21%
LAR	66,93%	63,69%	63,71%	66,20%	64,95%
CAR	8,06	8,02	10,57	10,33	10,73
Tỷ lệ khả năng chi trả	13,69%	16,84%	18,82%	15,43%	14,37%
VCSH/Tổng TS	5,16%	4,94%	6,19%	6,68%	6,93%
Nợ phải trả/VCSH	18,37	19,23	15,16	13,97	13,42
TS thanh khoản/Tổng TS	12,97%	15,99%	17,64%	14,39%	13,37%
NPL	0,61%	0,66%	0,75%	1,47%	1,68%
Coverage ratio	154,99%	180,03%	137,76%	75,12%	89,66%
DPRR/Dư nợ cho vay	0,95%	1,18%	1,03%	1,10%	1,50%
Chi phí/Thu nhập (CIR)	55,94%	48,57%	40,57%	42,96%	48,59%
Overhead ratio	2,22%	1,96%	1,97%	1,87%	2,12%
LNTT/1NV (triệu đồng)	212	267	451	412	70

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG NIÊM YẾT

Chỉ tiêu	CTG	BIDV	VCB	ACB	STB	EIB	MBB	SHB
ROA (%)	1,24	0,87	1,12	0,20	0,47	0,98	1,41	-0,31
ROE (%)	17,35	15,49	10,70	3,09	5,03	10,75	16,92	-3,75
NIM (%)	4,03	2,77	2,85	3,76	5,36	2,84	4,41	1,77
COF (%)	7,90	8,43	6,36	7,47	8,37	7,75	6,07	16,90
YEA (%)	10,34	9,61	8,26	11,74	13,24	10,09	10,08	18,98
TN lãi thuần/Tổng TN	87,93	79,60	80,40	85,46	82,38	91,78	84,78	80,38
TN dịch vụ/ Tổng TN	5,75	13,12	4,14	11,88	10,64	6,78	9,35	6,33
LDR (%)	107,21	107,77	92,75	79,18	83,49	101,78	59,19	70,01
Adjusted LDR (%)	114,66	102,48	103,09	92,22	98,13	105,07	96,52	81,09
LAR (%)	64,95	70,98	57,85	60,91	62,11	47,07	43,25	52,58
Tỷ lệ khả năng chi trả (%)	14,37	13,01	36,68	15,65	14,84	42,09	25,44	25,08
VCSH/TTS (%)	6,93	5,69	11,57	7,35	9,05	9,46	8,28	9,28
Nợ phải trả/VCSH	13,42	16,57	7,62	12,61	10,05	9,57	11,03	9,78
TS thanh khoản/TTS (%)	13,37	12,27	32,32	14,50	13,50	38,11	23,23	22,75
NPL (%)	1,68	2,76	2,87	2,88	2,26	1,33	2,39	8,66
Coverage ratio (%)	89,66	70,81	99,76	54,12	72,54	57,52	95,44	23,46
DPRR/Dư nợ cho vay (%)	1,50	1,96	2,86	1,56	1,64	0,76	2,28	2,03
Chi phí/Thu nhập (%)	48,59	40,83	34,57	58,59	49,93	55,88	33,41	85,64
Overhead ratio (%)	2,12	1,24	1,51	0,79	2,89	1,39	1,75	2,42
LNTT/ 1NV (triệu đồng)	70	-	137	39	86	67	144	44